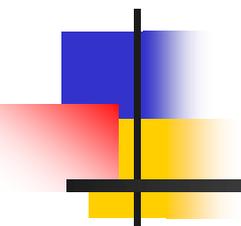
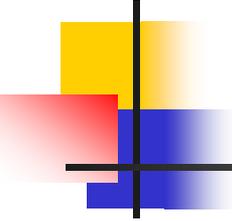


Chương 7: Tác động của ĐTQT đối với sự phát triển kinh tế và xã hội của nước chủ nhà





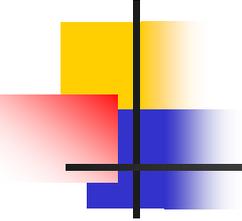
International investment matters and the role of TNCs

“International investment matters. Why? Because investment is not just a blandly apolitical process by which money is mysteriously made to grow, but a process in which companies and governments define and redistribute access to assets, determining who accumulates wealth and at whose expense”,

“To influence this process, the public needs to know how investment works, who the main players are and what the trends are”...“TNCs play the central role in the investment debate”

“Who benefits? And Who loses? What strategies are needed to ensure foreign direct investment contributes to development?”

Source: Kavaljit Singh, 2007, Why investment matters, p.12.



Nội dung bài giảng

- **Mục đích:**

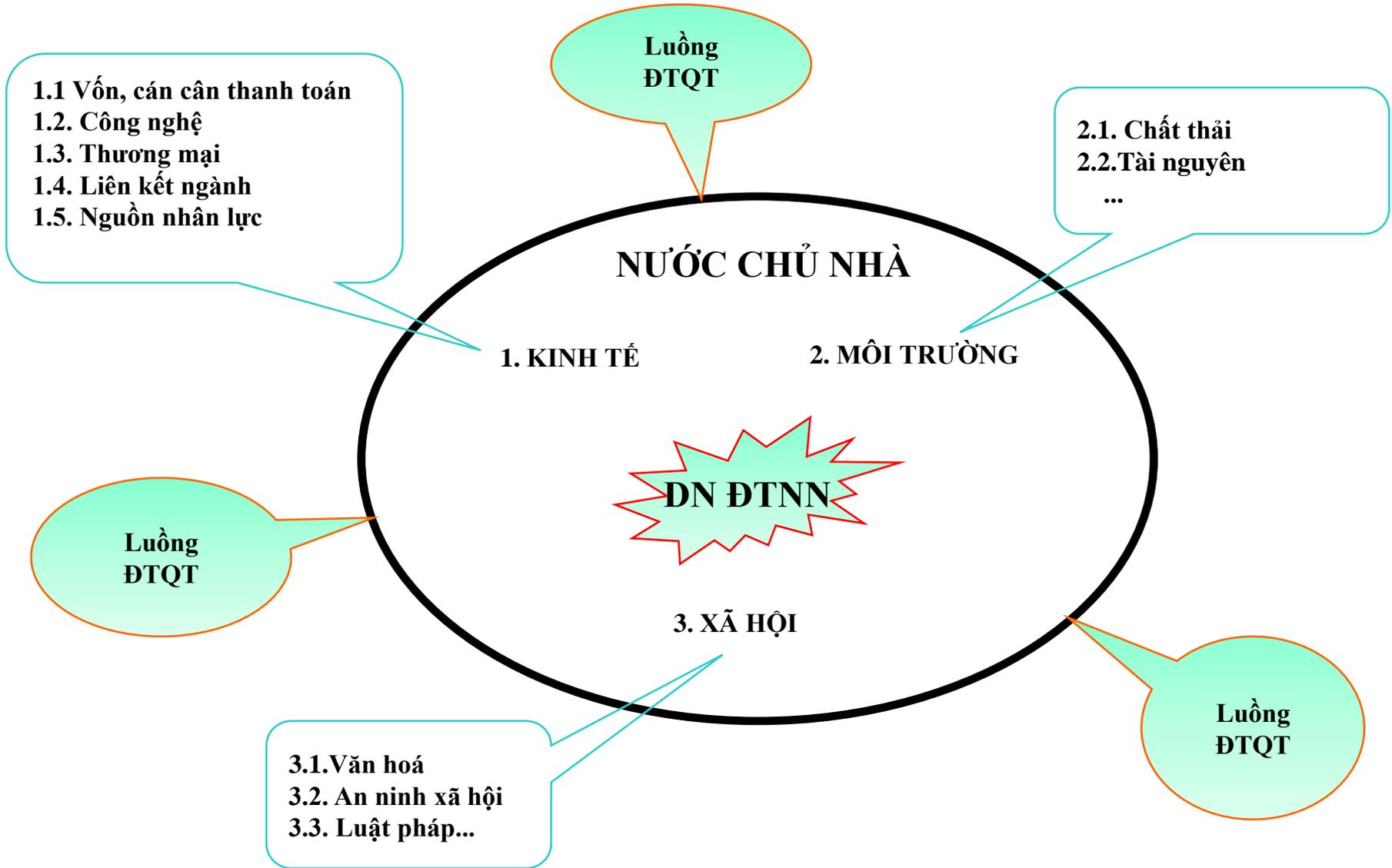
- Nắm vững ảnh hưởng của ĐTQT đối với sự phát triển kinh tế và xã hội của nước chủ nhà.

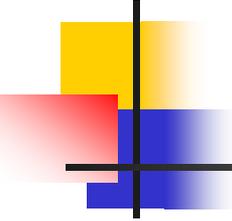
- **Yêu cầu**

- Hiểu được tác động tích cực, tiêu cực, trực tiếp, gián tiếp của ĐTQT đối với sự phát triển kinh tế-xã hội của nước chủ nhà
- Biết được cách áp dụng một số mô hình và sử dụng số liệu thống kê để phân tích
- Áp dụng lý thuyết và phương pháp đánh giá tác động của ĐTQT đối với Việt Nam
- Nhận xét chính sách ĐTNN của Việt Nam

- **Nội dung nghiên cứu**

- Tăng trưởng kinh tế
- Môi trường
- Đời sống xã hội

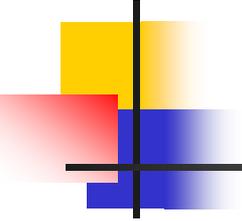




Hình thành vốn đầu tư xã hội

Lý thuyết:

- Mô hình Harrod - Domar
- Cân bằng Keynes
- Phương trình kinh tế vĩ mô
- Nguồn tiết kiệm



Cơ sở lý thuyết

- **Mô hình Harrod - Domar:**

$$ICOR = I/\Delta Y \rightarrow I/Y = (\Delta Y/Y) \times ICOR$$

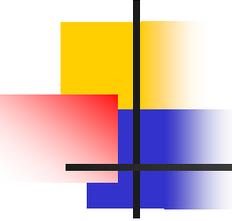
ICOR= Hệ số đầu tư Y : Tổng sản phẩm quốc nội

I = Tổng đầu tư xã hội $\Delta Y/Y$: Tốc độ tăng tổng sản phẩm quốc nội

- **Cân bằng Keynes: I=S**

I = Tổng đầu tư xã hội

S = Tổng tiết kiệm



Cơ sở lý thuyết...

- Phương trình kinh tế vĩ mô: $Y = C + I + G + (X - M)$

$$Y = C + S_{dp} + T$$

- Nguồn tiết kiệm: $I = S = S_{dp} + S_{dg} + S_f$

- Nguồn tiết kiệm nước ngoài : $S_f = S_{fd} + S_{fo} + S_{fe}$

I = Tổng đầu tư xã hội

S = Tổng nguồn tiết kiệm

S_{dp} = Tiết kiệm tư nhân trong nước; X = xuất khẩu; M = Nhập khẩu

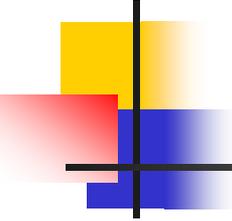
S_{dg} = Tiết kiệm chính phủ ; G = Chi tiêu của chính phủ

S_f = Tiết kiệm nước ngoài T = Thuế, phí (nguồn thu của chính phủ)

S_{fo} = Viện trợ/ODA

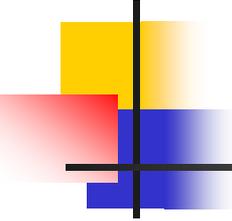
S_{fd} = Vay thương mại, nợ nước ngoài

S_{fe} = ĐTNN (đầu tư trực tiếp, gián tiếp)



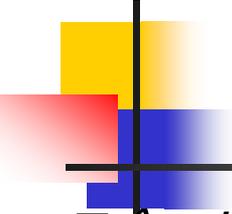
Ưu điểm của nguồn vốn FDI

- Bổ sung nguồn tài chính cho phát triển
- FDI: dài hạn, không gây nợ, nước chủ nhà không phải trả lãi suất, ít rủi ro của “hành vi bầy đàn” so với các luồng vốn khác; ngừng đầu tư và rút vốn đột ngột chậm hơn so với FPI
- Tác động trực tiếp/gián tiếp tới đầu tư tại nước chủ nhà (crowding in)



Tác động gián tiếp: Crowding in/out

- Các công ty có thể tác động tới đầu tư của các công của nước chủ nhà (hoặc đầu tư của các công ty con của nước ngoài). Nếu đầu tư của họ “chèn ép” đầu tư của doanh nghiệp khác tại nước chủ nhà thì mỗi đồng đô la tăng đầu tư của công ty con nước ngoài sẽ dẫn tới tổng đầu tư ở nước chủ nhà tăng ít hơn 1 đô la. Trong trường hợp cực đoan, một đô la đầu tư nước ngoài có thể giảm hơn 1 đô la đầu tư trong nước, dẫn tới giảm tổng đầu tư ở nước chủ nhà.
- Trong trường hợp “crowding in” đầu tư, tổng đầu tư ở nước chủ nhà tăng nhiều hơn lượng tăng đầu tư của các công ty nước ngoài. Nếu tác động là trung tính, bất kỳ tăng đầu tư của công ty nước ngoài được phản ánh bằng tăng 1-1 doola đầu tư nước ngoài và 01 đô la tăng của tổng đầu tư ở nước chủ nhà.
- Crowding in/out có thể xảy ra ở thị trường tài chính và thị trường hàng hóa.
Nguồn: WIR 1999, tr.171.



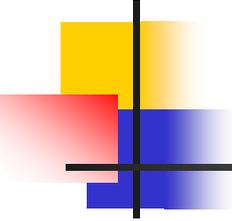
“Chèn ép” trên thị trường tài chính/hàng hóa

- *Trên thị trường tài chính:* Có thể xảy ra ở bất kể ngành nào khi công ty con của nước ngoài có thể đánh bại các công ty nước chủ nhà trong việc tìm kiếm nguồn tài chính. Có thể xảy ra vào thời điểm quyết định đầu tư thông qua các cơ chế của thị trường tài chính.
- *Trên thị trường hàng hóa:* có thể xuất hiện khi các công ty thuộc cùng một ngành, do các công ty nước chủ nhà từ bỏ dự án đầu tư để tránh phải cạnh tranh với các công ty nước ngoài có hiệu quả cao hơn.



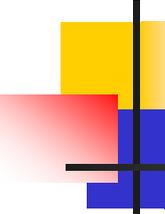
Tác động cuối cùng đối với tổng đầu tư ở nước chủ nhà phụ thuộc vào ảnh hưởng tới các nguồn lực đã được sử dụng: (1) nếu các nguồn lực này có được đưa vào các hoạt động khác mà công ty trong nước có lợi thế cạnh tranh hơn?; (2) FDI có buộc đối thủ địa phương phải nâng cao hiệu quả dẫn tới tăng đầu tư và lợi nhuận?.

Nguồn: WIR 1999, tr.171.



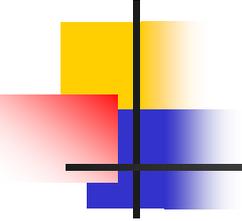
Minh chứng về “lôi kéo” và “chèn ép” đầu tư

- Khi Argentina tư nhân hóa ngành thông tin liên lạc, các nhà đầu tư trong nước đã hoạt động tốt khi trở thành nhà thầu phụ hoặc nhà cung cấp (một phần hoặc một gói trong hiệp định tư nhân hóa) cho các nhà đầu tư nước ngoài. (Chudnovsky, Lopez và Porta, 1996).
- Intel quyết định xây dựng nhà máy chế tạo thiết bị vi xử lý ở Costa Rica đã đóng góp vào việc hình thành vốn đầu tư ở nước này. Ước tính: công ty Intel đầu tư trong khu chế xuất, đã tạo điều kiện hình thành đầu tư của khoảng 40 nhà cung cấp; hàng hóa và dịch vụ tạo ra ở địa phương sẽ đóng góp khoảng 15% giá trị tổng sản phẩm, và phần lớn được xuất khẩu. Song, các doanh nghiệp địa phương có phản nản rằng đầu tư của Intel đã loại họ khỏi thị trường lao động bởi các dự án của Intel đã thu hút lao động có tay nghề cao
- In-đô-nê-sia, Malaysia, Thái lan: FDI đôi khi tác động gián tiếp hình thành đầu tư trong nước. TNCs đã đầu tư vào những ngành mới của nước chủ nhà như điện tử, đồ chơi hoặc hàng hóa tiêu dùng xuất khẩu khác. Nếu không có TNCs, các khoản đầu tư này không được thực hiện. Tuy nhiên, trước tiên, các công ty nước ngoài chủ yếu đầu tư vào lắp ráp, ít có liên kết với các khu vực khác của nền kinh tế. Theo thời gian, sẽ hình thành các nhà cung cấp dịch vụ và nguyên liệu đầu vào.



Minh chứng về “lôi kéo” và “chèn ép” đầu tư

- Crowding in trực tiếp: Các dự án khai khoáng, khai thác nguyên liệu thô nói chung tạo ra ít liên kết trước và sau, do vậy, ít tác động gián tiếp đối với đầu tư trong nước. Ở các nước không có kỹ năng tiếp cận vốn (VD, ở các nước châu Phi), FDI có thể đóng góp cho hình thành vốn một cách trực tiếp thông qua đầu tư của các công ty con.
- Có một số nền kinh tế đã lựa chọn cách kích thích đầu tư mới của các doanh nghiệp trong nước thay vì dựa vào FDI. Điều này hợp lý để hạn chế FDI trong các ngành công nghệ cao như ở Hàn Quốc, Đài loan. Trong các trường hợp này, tầm nhìn của các nhà hoạch định chính sách là nhằm làm hình thành các công ty trong nước đã thành công.
- Có trường hợp không hình thành các công ty trong nước thành công trong các ngành công nghệ cao hoặc phải mất nhiều thời gian. VD: sự can thiệp tốn kém của chính phủ Brazil nhằm trợ giúp các công ty của mình trong ngành thông tin đầu những năm 1980s, liên quan tới hạn chế FDI trong lĩnh vực này.



Cán cân thanh toán quốc tế

Công thức biểu hiện tác động của DTNN đối với cán cân thanh toán:

$$Bd = (X+I) - (Ck + Cr + R + D + I')$$

Bd = Mức độ ảnh hưởng

X = Giá trị xuất khẩu từ khu vực FDI

I = Tổng vốn ĐTNN trực tiếp và gián tiếp

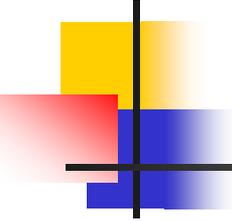
Ck = Nhập khẩu công nghệ của khu vực FDI

Cr = Nhập khẩu nguyên liệu của khu vực FDI

R = Phí chuyển giao công nghệ trong khu vực FDI

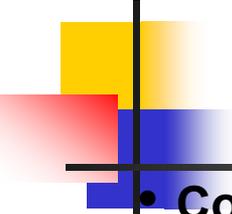
D = Lợi nhuận của các nhà đầu tư nước ngoài chuyển về nước

I* = Vốn bị rút do môi trường đầu tư kém hấp dẫn.



Các tác động chủ yếu

- Ảnh hưởng tích cực: Cải thiện cán cân thanh toán thông qua:
 - Trực tiếp: Tăng luồng vốn vào (I)
 - Gián tiếp: Tăng kim ngạch xuất khẩu; đầu tư hiệu quả sẽ làm tăng tái đầu tư
- Ảnh hưởng tiêu cực: Tổn hại cán cân thanh toán thông qua:
 - Trực tiếp: rút một lượng vốn lớn về nước một cách đột ngột.
 - Gián tiếp: Khu vực FDI phụ thuộc quá nhiều vào công nghệ và nguyên liệu nước ngoài và lợi nhuận không dùng để tái đầu tư mà chuyển về nước.



Tóm tắt : ĐTNN với hình thành vốn đầu tư và cán cân thanh toán Quốc tế

- **Cơ sở lý thuyết:**

- Mô hình tăng trưởng Harrod – Domar
- Cân bằng Keynes
- Phương trình kinh tế vĩ mô
- Biểu thức chỉ mức độ ảnh hưởng tới cán cân thanh toán quốc tế

- **Tích cực:**

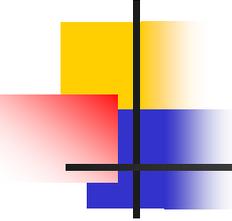
- Trực tiếp làm tăng vốn đầu tư xã hội và cải thiện cán cân thanh toán
- Gián tiếp: tăng tiết kiệm gia đình và chính phủ, đầu tư hiệu quả và tăng tái đầu tư, đầu tư hướng vào xuất khẩu

- **Tiêu cực:**

- Lấn át khu vực kinh tế trong nước
- Tổn hại cán cân thanh toán quốc tế

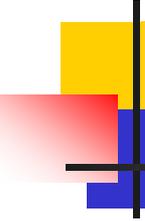
- **Ở Việt Nam trong giai đoạn 1990-2003:**

- Vốn FDI chiếm khoảng 20% tổng vốn đầu tư xã hội
- Sản phẩm của khu vực có vốn FDI chiếm khoảng 10% GDP cả nước



1.2. Kênh chuyển giao công nghệ qua ĐTNN

- Công ty mẹ trực tiếp chuyển giao công nghệ cho công ty con
- Đầu tư R&D tại nước chủ nhà;
- Lan toả thông tin về tiến bộ kỹ thuật, kỹ năng quản lý từ khu vực có vốn ĐTNN sang khu vực kinh tế trong nước.



1.2. ĐTNN với chuyển giao và phát triển công nghệ, kỹ năng quản lý.

- **Tích cực:**

- **Trực tiếp:**

- Chuyển giao công nghệ phù hợp sẵn có từ ngoài vào
- Phát triển công nghệ của các cơ sở nghiên cứu, ứng dụng.

- **Gián tiếp:**

- Lan toả công nghệ tiến tiến sang khu vực kinh tế trong nước.

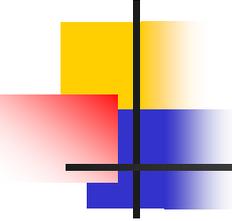
- **Tiêu cực:**

- **Trực tiếp:**

- Công nghệ cũ, lỗi thời, không phù hợp
- Chuyển giao công nghệ với giá cao hơn giá trị thực.

- **Gián tiếp:**

- Khu vực kinh tế trong nước đầu tư không hiệu quả khi hấp thụ thông tin về tiến bộ kỹ thuật không chính xác.



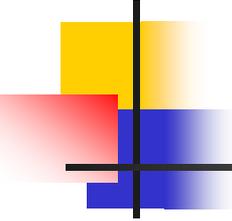
1.3. Tạo liên kết ngành

- **Tích cực :**

- Sử dụng nhiều nguyên liệu trong nước (backward linkage)
- Cung cấp nguyên liệu cho ngành sau thay thế nhập khẩu (forward linkage).
- Phát triển của ngành dịch vụ và các ngành công nghiệp phụ trợ.

- **Tiêu cực :**

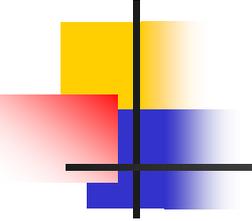
- Sử dụng nhiều sản phẩm nhập khẩu
- Lấn át khu vực kinh tế trong nước (crowding-out effect)



Tạo liên kết ngành

- **Tác động lan tỏa từ liên kết doanh nghiệp- Trường hợp Unilever Việt Nam**
- **Quá trình liên kết:** Năm 1995 thành lập Liên doanh Lever Viso giữa Unilever Việt Nam và Tổng công ty hóa chất Việt Nam. Mạng liên kết sản xuất hiện tại gồm 76 doanh nghiệp cung ứng nguyên liệu thô, 8 công ty gia công thuộc Tổng công ty hóa chất và 54 doanh nghiệp cung ứng bao bì.
- **Tác động kinh tế:** (1) Tăng sản lượng và tận dụng công suất máy móc: sản lượng gia công tăng từ 3,75 nghìn tấn năm 1995 lên 284,6 nghìn tấn năm 2007; khoảng 70% sản lượng của Unilever Việt Nam là của doanh nghiệp Việt Nam; sử dụng 60% nguyên liệu thô và 100% bao bì từ nguồn cung ứng trong nước. (2) Tăng doanh thu gộp hàng năm. (3) Thị trường tiêu thụ ổn định và có thể dự đoán.
- **Tác động xã hội:** (1) Tạo việc làm cho 5,5 nghìn việc làm cho các doanh nghiệp liên kết. (2) Mức tiền công cao hơn quy định chung từ 15-25%. (3) Tăng phúc lợi khác như tháng lương thứ 13, xe đưa đón đi làm, cải thiện an toàn và điều kiện lao động.
- **Tác động lan tỏa:** (1) Được trao đổi, cập nhật thông tin làm tăng nhận thức và hiểu biết; (2) Ứng dụng kỹ năng quản lý và bí quyết công nghệ của hãng nhờ học hỏi, quan sát thực tế; (3) Có thêm điều kiện phát triển sản phẩm riêng.

Nguồn: Liên kết giữa công ty Unilever Việt Nam và các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam. Báo cáo nghiên cứu của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế TW. 2008.



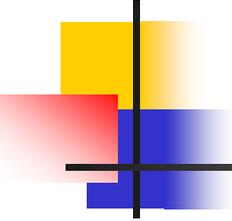
1.4. Phát triển nguồn nhân lực

- **Tích cực:**

- Tạo việc làm trực tiếp và gián tiếp
- Đào tạo lực lượng lao động
- Tăng thể lực

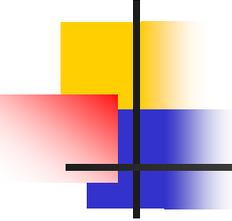
- **Tiêu cực:**

- Dò dẫm chất xám từ khu vực kinh tế trong nước
- Chèn ép doanh nghiệp trong nước trên thị trường lao động



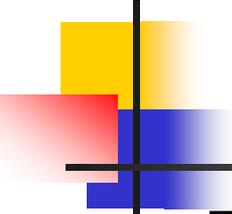
1.5. Tác động của FDI đối với hoạt động XNK

- Tăng hội nhập, đa dạng hóa hàng hóa và mở rộng thị trường xuất khẩu
- Tác động tới nhập khẩu và chuyển dịch cơ cấu hàng nhập khẩu
- Tăng khả năng thâm nhập vào thị trường quốc tế
- Tạo điều kiện cho DN trong nước tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu



2. ĐTNN và môi trường nước chủ nhà

- Sử dụng năng lượng, nguồn tài nguyên thiên nhiên
- Chuyển giao công nghệ
- Rác thải, phát thải khí (**thay đổi khí hậu và nóng lên của trái đất**).
- Cơ chế phát triển sạch (Clean Development Mechanism - CDM) và chiến lược “cùng có lợi ” (Win-Win Strategy).



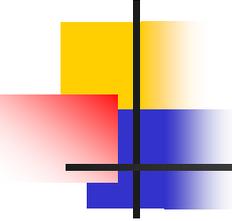
2. ĐTNN và vấn đề môi trường

■ Tích cực:

- Trực tiếp chuyển giao công nghệ sạch để tăng hiệu suất sử dụng nhiên liệu, giảm tỷ lệ khí thải, rác thải.
- Áp dụng CDM để giảm tổng lượng khí thải.
- Thực hiện nghiêm túc yêu cầu của nước chủ nhà về vấn đề bảo vệ môi trường

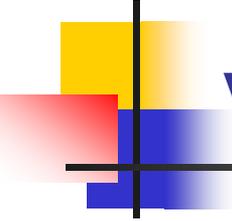
■ Tiêu cực:

- Bãi thải công nghiệp
- Chuyển giao công nghệ gây ô nhiễm môi trường
- Cạn kiệt năng lượng và các nguồn tài nguyên thiên nhiên và tăng tổng lượng khí thải
- Các nước đang phát triển hiện vẫn được coi là nơi trú ẩn của ô nhiễm (Pollution havens) . FDI nhắm vào tài nguyên và lao động rẻ được coi là làm khánh kiệt tài nguyên thiên nhiên



3. ĐTNN với đời sống xã hội

- Văn hoá xã hội
- Đổi mới tư duy, lối sống, tập quán
- Cải cách hành chính.
- An ninh kinh tế, chính trị
- Quốc phòng
- Các tác động quan trọng khác:
 - Tăng cạnh tranh
 - Thúc đẩy hội nhập quốc tế
 - FDI và lạm phát



Vấn đề tiếp tục nghiên cứu và báo cáo nhóm

- Tỷ trọng đầu tư nước ngoài trong tổng vốn đầu tư xã hội biến động cho thấy điều gì?
- Chuyển giao công nghệ qua hai hình thức 100% vốn nước ngoài và liên doanh?
- Giá chuyển giao?
- Dấu hiệu của tác động tràn?
- Liên kết công nghiệp ở nước chủ nhà?
- Gia tăng khoảng cách giàu nghèo? (Khoảng cách giữa các tầng lớp xã hội, vùng, miền...)?
- FDI và chuyển giao/phát triển công nghệ ở nước chủ nhà